

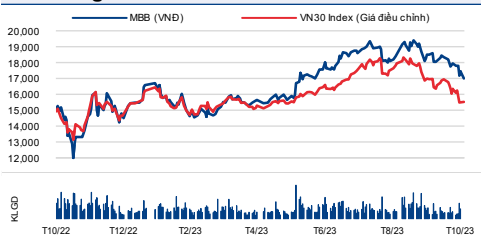
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ23,652
Tiềm năng tăng/giảm: 39.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2023)	17,000
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,002-19,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	17,217
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	88,639
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,606
Slg CP lưu hành (tr.đv)	5,214
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,052
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	23.2%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.2%
Tỷ lệ freefloat	59.0%
Cổ đông lớn	Viettel (18.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
Tổng tài sản (ntđ)	729	864	1,016
Dư nợ cho vay (ntđ)	461	548	661
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	45.6	52.2	61.1
Lợi nhuận thuần (ntđ)	17.5	20.0	23.1
BVPS (đồng)	14,566	18,063	22,110
EPS (đồng)	3,195	3,659	4,222
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	26.7	19.0	20.7
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	23.4	14.5	17.0
Tăng trưởng EPS (%)	37.7	14.5	15.4
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	25.8	23.5	22.1
ROAA (%)	2.62	2.51	2.46
Tỷ lệ NIM (%)	6.04	5.81	5.84
Tỷ lệ CIR (%)	32.5	30.9	30.0
Hệ số CAR (%)	11.4	11.1	11.4
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.09	1.70	1.60
LLR/nợ xấu (%)	238	182	199
Hệ số LDR (%)	104	101	101
P/B (lần)	1.17	0.94	0.77
P/E (lần)	5.32	4.65	4.03
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.phien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Vũ Thế Quân

Chuyên viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
quan.vthe@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4883

KQKD vượt kỳ vọng nhờ chi phí hoạt động & lãi thuần dịch vụ khả quan hơn dự báo

- MBB đã công bố LNTT Q3/2023 đạt 7.284 tỷ đồng (tăng 15,7%) nhờ tổng thu nhập hoạt động (tăng 9,8%) tăng khá và chi phí hoạt động giảm (giảm 10,6%) mặc dù chi phí dự phòng tăng mạnh (tăng 50,5%). LNTT 9 tháng (tăng 10%) bằng 77% dự báo của HSC cho cả năm 2023.
- Tín dụng Q3/2023 tăng 2,8% và tỷ lệ NIM đi ngang. Tuy nhiên, chất lượng tài sản suy giảm với tỷ lệ nợ xấu là 1,89% (tăng 44 điểm cơ bản so với quý trước) và hệ số LLR đạt 122% (giảm 34% so với quý trước).
- HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo sau KQKD Q3/2023. Hiện MBB có P/B dự phóng năm 2023 là 0,94 lần; chiết khấu 7% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,01 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2023

MBB đã công bố LNTT Q3/2023 đạt 7.284 tỷ đồng (tăng 15,7% so với cùng kỳ). Thu nhập lãi thuần (tăng 8,6% so với cùng kỳ) và thu nhập ngoài lãi (tăng 15,7% so với cùng kỳ) tăng khá cộng với chi phí hoạt động giảm (giảm 10,6% so với cùng kỳ) giúp LNTT tăng trưởng mặc dù chi phí tín dụng tăng mạnh (tăng 50,5% so với cùng kỳ). LNTT 9 tháng đầu năm 2023 (tăng 10% so với cùng kỳ) bằng 77% dự báo của HSC cho cả năm 2023, cao hơn ước tính của chúng tôi một chút chủ yếu nhờ chi phí hoạt động và lãi thuần HĐ dịch vụ khả quan hơn kỳ vọng.

Tín dụng tăng trưởng ổn định trong Q3/2023

Tín dụng Q3/2023 tăng 2,8% so với quý trước đạt 574 tỷ đồng (tăng 13,9% so với đầu năm), kém hơn nếu so với mức tăng 10,8% trong 6 tháng đầu năm 2023 nhưng HSC vẫn đánh giá đây là mức tăng trưởng khá nếu xét trong bối cảnh vĩ mô khó khăn hiện nay. Số dư TPDN của Ngân hàng tiếp tục giảm còn 38 nghìn tỷ đồng (giảm 6,5% so với quý trước và giảm 12,8% so với đầu năm), chiếm 6,6% tổng tín dụng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2023 và 9 tháng đầu năm 2023, MBB

Tỷ đồng	Q3/22	Q3/23	% sv cùng kỳ	9T/22	9T/23	% sv cùng kỳ
Thu nhập lãi thuần	9,039	9,812	8.6%	26,394	29,520	11.8%
Thu nhập ngoài lãi	1,948	2,253	15.7%	7,448	6,035	-19.0%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	784	1,079	37.6%	2,912	2,630	-9.7%
Lãi thuần HĐ KD ngoại hối	402	224	-44.1%	1,340	920	-31.4%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	171	367	114.5%	1,378	770	-44.1%
Thu nhập khác	585	571	-2.5%	1,690	1,667	-1.4%
Cổ tức	5	13	146.5%	127	49	-61.2%
Tổng thu nhập HĐ	10,986	12,065	9.8%	33,841	35,556	5.1%
Chi phí hoạt động	(3,729)	(3,334)	-10.6%	(11,187)	(11,037)	-1.3%
Lợi nhuận trước TLDP	7,257	8,731	20.3%	22,654	24,519	8.2%
Chi phí dự phòng	(962)	(1,447)	50.5%	(4,462)	(4,500)	0.8%
LNTT	6,296	7,284	15.7%	18,192	20,019	10.0%
Lợi nhuận thuần	4,879	5,773	18.3%	14,049	15,690	11.7%

Nguồn: MBB, HSC

Về mặt huy động, tiền gửi khách hàng tăng lên 480 tỷ đồng (tăng 0,9% so với quý trước và tăng 8,1% so với đầu năm) và giấy tờ có giá tăng lên 116 nghìn tỷ đồng (tăng 3,2% so với quý trước và tăng 20,1% so với đầu năm) trong khi vay liên ngân hàng giảm 12,8% so với quý trước xuống còn 76 nghìn tỷ đồng (vẫn tăng 16,7% so với đầu năm). Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn của MBB giảm nhẹ 110 điểm cơ bản trong kỳ xuống còn 36% nhưng vẫn là mức cao nhất trong số các NHTM HSC khuyến nghị.

Tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước và vẫn thuộc nhóm cao nhất

Tỷ lệ NIM Q3/2023 gần như đi ngang so với quý trước ở mức 5,02% (giảm 75 điểm cơ bản so với cùng kỳ) với lợi suất gộp (giảm 39 điểm cơ bản so với quý trước nhưng tăng 53 điểm cơ bản so với cùng kỳ) giảm tương ứng với chi phí huy động (giảm 40 điểm cơ bản so với quý trước nhưng tăng 153 điểm cơ bản so với cùng kỳ). Đáng chú ý là lợi suất cho vay giảm 50 điểm cơ bản so với quý trước trong khi chi phí huy động tiền gửi khách hàng giảm 46 điểm cơ bản so với quý trước. Tỷ lệ NIM của MBB không cải thiện so với quý trước mặc dù chi phí huy động giảm - và điều này nhiều khả năng là do Ngân hàng áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất dành cho khách hàng gặp khó khăn. Tuy nhiên, tỷ lệ NIM ở mức 5% vẫn thuộc nhóm cao nhất trong ngành và cho thấy chất lượng huy động/tiền gửi không kỳ hạn của MBB thuộc top đầu.

Chất lượng tài sản kém đi

Tỷ lệ nợ xấu của MBB Q3/2023 tăng 44 điểm cơ bản lên 1,89% từ 1,44% tại thời điểm cuối Q2/2023. Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm 62 điểm cơ bản so với quý trước xuống còn 2,97% từ 3,59% tại thời điểm cuối Q2/2023. HSC cho rằng tỷ lệ nợ xấu tăng xuất phát từ phân khúc khách hàng cá nhân, đặc biệt từ cho vay mua nhà vì Ngân hàng đã thể hiện sự quan ngại về lĩnh vực cho vay này trong các cuộc tiếp xúc gần đây.

Chi phí dự phòng tăng mạnh 50,5% so với cùng kỳ lên 1.447 tỷ đồng trong Q3/2023, theo đó chi phí tín dụng là 1,09% (tăng từ 0,87% trong Q3/2022). Ngân hàng đã xóa 787 tỷ đồng nợ xấu trong Q3/2023 sau khi đã xóa tới hơn 3,4 nghìn tỷ đồng nợ xấu trong 2 quý trước đó (tỷ lệ xóa nợ xấu 12 tháng gần nhất là 0,98%). Hệ số LLR tiếp tục giảm còn 122% (từ 238%/156% tại thời điểm cuối Q4/2022-Q2/2023) nhưng vẫn cao hơn so với hầu hết các NHTM tư nhân khác.

Nói chung, chất lượng tài sản của MBB kém hơn một chút so với kỳ vọng của HSC và chúng tôi sẽ trao đổi với Ngân hàng để biết thêm chi tiết về vấn đề này. Tuy nhiên, với lãi suất cho vay giảm và nền kinh tế hồi phục, HSC vẫn lạc quan về triển vọng về chất lượng tài sản của MBB trong những quý tới.

Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ và lãi mua bán trái phiếu

Thu nhập ngoài lãi Q3/2023 tăng 15,7% so với cùng kỳ đạt 2.253 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ (đạt 1.079 tỷ đồng, tăng 37,6% so với cùng kỳ) và lãi mua bán trái phiếu (đạt 367 tỷ đồng, tăng 114,5% so với cùng kỳ) tăng mạnh. Trong cơ lãi thuần HĐ dịch vụ, lãi thuần dịch vụ thanh toán & lãi thuần hoạt động nguồn vốn tăng mạnh 50,5% so với cùng kỳ đạt 614 tỷ đồng, nhiều khả năng là nhờ Ngân hàng thu hút thêm được khách hàng từ đầu năm.

Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối kém khả quan, đạt 224 tỷ đồng (giảm 44,1% so với cùng kỳ) và thu nhập thuần khác giảm nhẹ còn 571 tỷ đồng (giảm 2,5% so với cùng kỳ).

Chi phí hoạt động giảm nhờ chi phí nhân viên

Chi phí hoạt động Q3/2023 giảm 10,6% so với cùng kỳ xuống 3.334 tỷ đồng, chủ yếu nhờ chi phí nhân viên giảm 18,6% so với cùng kỳ còn 1.694 tỷ đồng trong khi chi phí ngoài nhân viên gần như đi ngang (giảm 0,5% so với cùng kỳ xuống 1.640 tỷ đồng). Số lượng nhân viên của MBB đã tăng nhẹ 0,7% so với quý trước và tăng 1,1% so với cùng kỳ lên 16.219 người.

Với chi phí hoạt động giảm trong khi tổng thu nhập hoạt động vẫn tăng trưởng khá, tỷ lệ CIR Q3/2023 của MBB đã giảm đáng kể xuống còn 27,6% từ 33,9% trong Q3/2022 và 35,8% trong Q2/2023.

HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo sau khi Ngân hàng công bố KQKD Q3/2023. Hiện MBB có P/B dự phóng năm 2023 là 0,94 lần; chiết khấu 7% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,01 lần..

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Thu nhập lãi	38.5	52.5	68.8	77.8	92.2
Chi phí lãi	(12.3)	(16.5)	(26.5)	(26.8)	(30.1)
Thu nhập lãi thuần	26.2	36.0	42.3	51.0	62.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.37	4.14	3.16	3.67	4.36
Lãi thuần HĐ KDNH	1.33	1.70	2.04	2.25	2.47
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1.67	1.46	1.60	1.46	1.23
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.11	0.13	0.14	0.15	0.15
Thu nhập khác	3.25	2.14	3.00	2.55	2.04
Tổng thu nhập HĐ	36.9	45.6	52.2	61.1	72.3
Chi phí HĐ	(12.4)	(14.8)	(16.1)	(18.3)	(21.3)
LN trước dự phòng	24.6	30.8	36.1	42.8	51.0
Chi phí dự phòng	(8.03)	(8.05)	(10.0)	(12.8)	(14.4)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	16.5	22.7	26.0	30.0	36.6
Chi phí thuế TNDN	(3.31)	(4.57)	(5.24)	(6.04)	(7.37)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.52)	(0.67)	(0.77)	(0.89)	(1.08)
Lợi nhuận thuần	12.7	17.5	20.0	23.1	28.2
EPS (đồng)	2,320	3,195	3,659	4,222	5,147
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,214	5,214	5,214	5,214	5,214
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,214	5,214	5,214	5,214	5,214
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,214	5,214	5,214	5,214	5,214

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.48	3.74	3.80	4.28	4.96
Tiền gửi tại NHNN	38.1	39.7	38.0	36.2	41.3
Tiền gửi tại các TCTD khác	36.0	32.9	47.8	65.8	95.0
Chứng khoán kinh doanh	7.58	4.11	10.6	10.7	9.77
Các công cụ tài chính phái sinh	0.27	0.07	0.09	0.10	0.13
Số dư cho vay thuần	355	449	531	640	792
Tổng dư nợ cho vay	364	461	548	661	818
Dự phòng rủi ro	(8.76)	(12.0)	(17.0)	(21.1)	(25.4)
Chứng khoán đầu tư	129	160	190	213	256
CK đầu tư sẵn sàng để bán	125	155	184	205	247
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.68	5.48	6.66	7.55	9.08
Dự phòng rủi ro	(0.42)	(0.40)	(0.40)	(0.40)	(0.40)
Đầu tư dài hạn	0.80	0.63	0.63	0.64	0.64
Tài sản cố định	4.95	5.31	5.82	6.40	7.05
Tài sản khác	32.4	33.9	35.9	39.0	42.4
Tổng tài sản	607	729	864	1,016	1,250
Nợ phải trả	545	649	765	896	1,103
Tiền gửi của NHNN	0.26	0.03	0.16	0.13	0.25
Tiền gửi của các TCTD khác	59.6	65.1	82.8	93.3	102
Tổng tiền gửi KH	385	444	543	658	826
Trái phiếu và CCTG	66.9	96.6	96.5	99.2	123
Nợ khác	31.3	41.6	41.1	43.0	49.1
Vốn chủ sở hữu	59.6	75.9	94.2	115	141
Vốn điều lệ	37.8	45.3	45.3	45.3	45.3
Thặng dư vốn cổ phần	0.87	0.87	0.87	0.87	0.87
Lợi nhuận giữ lại	12.9	19.1	35.1	53.6	76.3
Quỹ & vốn khác của CSH	8.01	10.7	12.9	15.5	18.6
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.91	3.66	4.31	5.05	5.91
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	607	729	864	1,016	1,250
BVPS (đồng)	11,426	14,566	18,063	22,110	27,067

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	22.7	20.0	18.6	17.6	23.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	21.9	26.7	19.0	20.7	23.7
Tăng trưởng huy động KH (%)	23.7	15.3	22.3	21.3	25.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	24.8	19.6	18.3	18.5	25.3
Tăng trưởng VCSH (%)	24.4	27.5	24.0	22.4	22.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	29.2	37.5	17.3	20.7	21.7
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	17.3	19.7	8.99	13.4	16.3
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	46.1	25.3	17.2	18.6	19.3
Tăng trưởng LNTT (%)	54.6	37.5	14.5	15.4	21.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	53.7	37.7	14.5	15.4	21.9

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	6.70	6.83	6.56	6.50	6.39
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.25)	(2.22)	(2.03)	(1.95)	(1.88)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	89.4	89.4	91.3	93.0	94.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.32	2.83	3.16	3.73	4.33
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	42.2	58.1	66.5	76.7	93.6

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.33	5.32	4.65	4.03	3.30
P/B (lần)	1.49	1.17	0.94	0.77	0.63
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	34.4	38.3	38.3	37.8	38.9
ROAA (%)	2.30	2.62	2.51	2.46	2.49
ROAE (%)	23.6	25.8	23.5	22.1	22.0
Chi phí huy động BQ (%)	2.65	2.95	4.00	3.41	3.17
Lợi suất góp BQ (%)	7.81	8.79	9.46	8.91	8.66
Lợi suất thuần (%)	5.15	5.85	5.46	5.50	5.49
Tỷ lệ NIM (%)	5.32	6.04	5.81	5.84	5.83
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	11.8	9.07	6.06	6.00	6.03
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	70.9	79.0	80.9	83.5	85.8
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	29.1	21.0	19.1	16.5	14.2
Tỷ lệ CIR (%)	33.5	32.5	30.9	30.0	29.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.2	11.4	11.1	11.4	11.6
VCSH/Tổng TS (%)	9.81	10.4	10.9	11.3	11.3
Đòn bẩy vốn (lần)	10.2	9.59	9.17	8.81	8.86

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.90	1.09	1.70	1.60	1.46
Hệ số LLR (%)	268	238	182	199	213

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	94.5	104	101	101	99.0
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	11.7	10.8	11.5	11.0	9.73
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	59.9	63.2	63.5	65.1	65.4

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	301	301	301	301	301
Số lượng nhân viên	15,910	16,136	16,498	16,363	16,701

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn